

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1943 /TCDN-DNTX

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2016

V/v thông báo thời gian kiểm tra, giám  
sát tại các địa phương về Chương trình  
CTMTQG xây dựng NTM năm 2016

Kính gửi: Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định

Thực hiện Chương trình công tác năm 2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương CTMTQG xây dựng nông thôn mới, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức Đoàn kiểm tra, giám sát về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, trong đó làm rõ việc triển khai nội dung “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; giải quyết việc làm; giảm nghèo và an sinh xã hội” ở địa phương.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị các địa phương chuẩn bị báo cáo theo Đề cương kèm theo và bố trí thành phần, thời gian làm việc với Đoàn kiểm tra, cụ thể như sau:

## I. THÀNH PHẦN THAM GIA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Đoàn kiểm tra:

- Trưởng đoàn: Thứ trưởng Nguyễn Trọng Đàm.
- Đại diện Lãnh đạo và cán bộ của Tổng cục Dạy nghề, Văn phòng quốc gia về giảm nghèo, Cục việc làm.

2. Thành phần làm việc với Đoàn

- Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại diện Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- Đại diện Lãnh đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đại diện Lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh và một số đại diện Lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## II. THỜI GIAN

Dự kiến từ ngày 05/12 đến 10/12/2016 (thời gian cụ thể sẽ thông báo sau).

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định chuẩn bị báo cáo, bố trí thành phần, thời gian, gửi

văn bản xác nhận và gửi báo cáo theo đề cương kèm theo về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 01/12/2016 để buổi làm việc đạt kết quả.

Mọi chi tiết xin liên hệ đồng chí Phạm Thị Hoàn – Phó Vụ trưởng Vụ Dạy nghề thường xuyên - Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, số điện thoại: 091.2210786/043.9740965, email: vudntx.tcdn@gmail.com./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Trọng Đàm (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCDN (04).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Anh Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: **1810/SY-UBND**

*Bình Định, ngày 30 tháng 11 năm 2016*

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Lao động - TB và Xã hội;
- Lãnh đạo VP, K19, K20;
- Lưu: VT (09b)

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Đức Thi**

## ĐỀ CƯƠNG

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số 1943/TCDN-DNTX ngày 23 tháng 11 năm 2016)

## I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

### 1. Xây dựng kế hoạch thực hiện

- Các nghị quyết, đề án, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của tỉnh về xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 và giai đoạn 2016 – 2020;

- Các nghị quyết, đề án, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của tỉnh về xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2016 và giai đoạn 2016-2020.

### 2. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn;

b) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động.

### 3. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình; thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009;

b) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình nói chung và thực hiện nội dung thành phần Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nói riêng; sự phối hợp giữa các Sở, Ban ngành, các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ cho xây dựng NTM nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng. Các nguyên nhân chủ yếu; đề xuất giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, tại địa phương trong thời gian tới.

### 4. Ban hành, thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh

Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương:

- Cơ chế phân cấp quản lý nguồn vốn tại địa phương (trong đó nói rõ cơ chế phân cấp quản lý nguồn vốn thực hiện việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại địa phương);

- Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn;

- Cơ chế giao quyền chủ động cho người dân và cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông; thu gom, xử lý rác thải, chất thải; chính sách hỗ trợ lãi vay tín dụng phục vụ phát triển sản xuất...;
- Cơ chế, chính sách hỗ trợ nội dung nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội trong xây dựng nông thôn mới;
- Cơ chế chính sách để huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là huy động từ người dân.
- Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.
- Chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và đầu tư sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn.
- Chính sách liên kết hợp tác đa dạng giữa hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.
- Cơ chế chính sách đối với xã, huyện chỉ đạo điểm của địa phương.

## **5. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình**

- a) Kết quả về tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình ở các cấp và cán bộ quản lý đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội trong xây dựng nông thôn mới.
- b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

## **6. Tổ chức đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội cho lao động nông thôn**

### **6.1. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

- a) Xây dựng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả cho lao động nông thôn theo từng ngành, lĩnh vực để tổ chức triển khai nhân rộng;
- b) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói chung và hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng (trong đó nhấn mạnh đến việc đào tạo nghề cho người khuyết tật, lao động nữ, dân tộc thiểu số);
- c) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ lục 01 gửi kèm).*

### **6.2. Tổ chức giải quyết việc làm cho lao động nông thôn**

- a) Mô hình điển hình tạo việc làm cho lao động nông thôn;
- b) Số lao động nông thôn được giải quyết việc làm sau học nghề;

c) Đánh giá hiệu quả công tác giải quyết việc làm; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

### 6.3. Tổ chức giảm nghèo và an sinh xã hội cho lao động nông thôn

a) Mô hình điển hình giảm nghèo, an sinh xã hội và hỗ trợ sinh kế cho lao động nông thôn;

b) Số hộ lao động nông thôn được hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội và hỗ trợ sinh kế;

c) Đánh giá hiệu quả công tác giảm nghèo, an sinh xã hội và hỗ trợ sinh kế; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Công tác lập quy hoạch

- Kết quả chung về triển khai xây dựng quy hoạch, trong đó có quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Kết quả rà soát bổ sung các quy hoạch gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn;

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường nông thôn trong đề án quy hoạch xã nông thôn mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã;

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện: chất lượng, tiến độ; thuận lợi và khó khăn; nguyên nhân chậm trễ; giải pháp tháo gỡ.

### 2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ sở hạ tầng: theo các tiêu chí;

b) Đánh giá chung cơ sở vật chất, trang thiết bị của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

c) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân;

d) Đề xuất, kiến nghị về những giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

### 3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất theo hướng phát triển hàng hóa gắn với liên kết, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm bền vững nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn;

b) Đánh giá kết quả xây dựng, nhân rộng một số mô hình hiệu quả trên địa bàn (*nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề...*);

- c) Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tỷ lệ lao động trong nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động;
- d) Kết quả thực hiện giảm nghèo, an sinh xã hội và hỗ trợ sinh kế;
- đ) Những khó khăn, vướng mắc; đề xuất, kiến nghị trong giai đoạn tới;
- e) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân (các tiêu chí thuộc nhóm kinh tế, tổ chức sản xuất).

#### **4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường**

- a) Kết quả chung toàn tỉnh về thực hiện các nội dung về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường;
- b) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân;
- c) Đề xuất, kiến nghị về những giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

#### **5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội**

- a) Kết quả chung toàn tỉnh về thực hiện các nội dung về hệ thống tổ chức chính trị xã hội. Việc cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân;
- b) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; kiến nghị về những giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

#### **6. Kết quả huy động, sử dụng nguồn lực**

- a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp;
- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân.

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ lục số 02,03 gửi kèm)*

- b) Kết quả phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương;
- d) Kết quả giải ngân;
- e) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình nông thôn mới; giải pháp xử lý nợ đọng của địa phương;
- f) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân và kiến nghị đề xuất.

#### **7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM**

- Số huyện, xã đạt chuẩn; số xã đạt theo nhóm tiêu chí;
- Mức đạt tiêu chí bình quân/xã của tỉnh

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ lục số 04 gửi kèm).*

8. Kế hoạch duy trì bền vững các tiêu chí sau khi được công nhận đạt chuẩn

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được
2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

### **IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÁC THÁNG CUỐI NĂM**

#### **V. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2017**

1. Chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình
2. Chỉ tiêu, nhiệm, nguồn lực của nội dung thành phần Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

*(Chi tiết theo Phụ lục số 02 và 03 kèm theo).*

### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Chung cả Chương trình
2. Riêng nội dung thành phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội
  - 2.1. Riêng nội dung thành phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn
  - 2.2. Riêng nội dung giải quyết việc làm
  - 2.3. Riêng nội dung giảm nghèo và an sinh xã hội./.





**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2016 VÀ  
KẾ HOẠCH NĂM 2017**

*(Kèm theo Công văn số 1943/ TCDN-DNTX ngày 28 tháng 11 năm 2016)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung chỉ tiêu	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017
		Kế hoạch	Kết quả huy động 9 tháng	Ước thực hiện, giải ngân	
	<b>TỔNG SỐ</b>				
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TW</b>				
1	Trái phiếu Chính phủ				
2	Đầu tư phát triển				
3	Sự nghiệp kinh tế				
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐP</b>				
1	Tỉnh				
2	Huyện				
3	Xã				
<b>III</b>	<b>VỐN LÒNG GHÉP</b>				
<b>IV</b>	<b>VỐN TÍN DỤNG</b>				
<b>V</b>	<b>VỐN DOANH NGHIỆP</b>				
<b>VI</b>	<b>CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ</b>				
<b>VII</b>	<b>NGUỒN KHÁC</b>				











## KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI VÀ CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

(Kèm theo Công văn số 1543/ TCDN-DNTX ngày 23 tháng 11 năm 2016)

TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 31/12/2015	Thực hiện 2016		Ghi chú
			Thực hiện đến 30/9/2016	Ước thực hiện năm 2016	
<b>I</b>	<b>THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ</b>				
1	Số huyện đạt chuẩn NTM				
2	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
2.1	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) NTM				
2.2	Số xã đạt 18 tiêu chí				
2.3	Số xã đạt 17 tiêu chí				
	.....				
2.19	Số xã đạt 01 tiêu chí				
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
3.1	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch				
3.2	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông				
	...				
3.19	Số xã đạt tiêu chí số 19				
<b>II</b>	<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU</b>				
1	Thu nhập BQ/người/năm (tr.đ)				
2	Tỷ lệ hộ nghèo (%)				
3	Tỷ lệ lao động có việc làm (%)				
4	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (%)				
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)				
6	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)				
7	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%)				